

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
(Từ ngày 08 tháng 12 đến 14 tháng 12 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																			Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần		
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN				
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học			Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi
1	DH	18	20251AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	21	1-6	404-A10	14/15																	Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
2	DH	18	20251AT6043002	Kết cấu ô tô	CL	21	7-12	404-A10	14/15																	Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
3	DH	18	20251AT6043003	Kết cấu ô tô	CL	20	13-18	409-A10	14/15																	Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
4	DH	18	20251AT6043004	Kết cấu ô tô	CL	21				1-6	408-A10	14/15														Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
5	DH	18	20251AT6043005	Kết cấu ô tô	CL	22				7-12	408-A10	14/15														Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
6	DH	18	20251AT6043006	Kết cấu ô tô	CL	20				13-18	408-A10	14/15														Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
7	DH	18	20251AT6043007	Kết cấu ô tô	CL	21							1-6	409-A10	14/15											Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTNOT		
8	DH	18	20251AT6043008	Kết cấu ô tô	CL	21							7-12	409-A10	14/15											Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTNOT		
9	DH	18	20251AT6043009	Kết cấu ô tô	CL	20							13-18	409-A10	14/15											Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
10	DH	18	20251AT6043012	Kết cấu ô tô	CL	22																				Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
11	DH	18	20251AT6043013	Kết cấu ô tô	CL	21										7-12	408-A10	14/15								Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
12	DH	18	20251AT6043014	Kết cấu ô tô	CL	21										7-12	408-A10	14/15								Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
13	DH	18	20251AT6043015	Kết cấu ô tô	CL	20										1-6	404-A10	14/15								Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
14	DH	18	20251AT6043016	Kết cấu ô tô	CL	20													1-6	409-A10	14/15					Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
15	DH	18	20251AT6043017	Kết cấu ô tô	CL	20													7-12	409-A10	14/15					Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
16	DH	18	20251AT6043 TA001	Automotive Chassis Engineering	CL	28							7-12	408-A10	14/15											Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT		
17	DH	17	20251AT6057 TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	CL	14							1-6	403-A10	14/15											Lê Hữu Chúc	TTTTNOT		
18	DH	17	20251AT6052 TA001	Automotive Diagnostic and Repair	CL	14										1-6	409-A10	14/15								Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT		
19	DH	17	20251AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				1-6	404-A10	14/15														Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
20	DH	17	20251AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							1-6	404-A10	14/15											Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
21	DH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23										1-6	408-A10	14/15								Nguyễn Xuân Tuấn	TTTTNOT		
22	DH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22												1-6	409-A10	14/15						Bùi Văn Hải	TTTTNOT		
23	DH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22																1-6	408-A10	Jan-15		Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
24	DH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22	7-12	409-A10	14/15																		Lê Đình Mạnh	TTTTNOT	
25	DH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				7-12	404-A10	14/15															Ngô Quang Tào	TTTTNOT	
26	DH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							7-12	404-A10	14/15												Chu Đức Hùng	TTTTNOT	
27	DH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										7-12	408-A10	14/15								Trịnh Đức Phong	TTTTNOT		
28	DH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22																					Lê Duy Long	TTTTNOT	
29	DH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							13-18	404-A10	14/15												Lê Đình Mạnh	TTTTNOT	
30	DH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23																13-18	404-A10	14/15		Nguyễn Thế Anh	TTTTNOT		
31	DH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				1-6	418-A10	14/15															Nguyễn Thành Bắc	TTTTNOT	
32	DH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				7-12	419-A10	14/15															Nguyễn Trung Kiên	TTTTNOT	
33	DH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										1-6	403-A10	14/15									Ngô Quang Tào	TTTTNOT	
34	DH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23				1-6	403-A10	14/15															Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT	
35	DH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23										7-12	418-A10	14/15									Lê Hữu Chúc	TTTTNOT	
36	DH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23										7-12	418-A10	14/15									Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT	
37	DH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23	13-18	403-A10	14/15																		Nguyễn Thành Bắc	TTTTNOT	
38	DH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23							13-18	418-A10	14/15												Chu Đức Hùng	TTTTNOT	
39	DH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23							13-18	418-A10	14/15												Lê Đình Đạt	TTTTNOT	
40	DH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23										13-18	418-A10	14/15									Lê Đình Mạnh	TTTTNOT	
41	DH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23													13-18	419-A10	14/15						Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT	
42	DH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	23																13-18	419-A10	14/15			Nguyễn Trung Kiên	TTTTNOT	
43	DH	18	20251AT6089001	Trang bị điện trên ô tô	1	21	7-12	418-A10	3/5																		Nguyễn Mạnh Dũng	CKDL	
44	DH	18	20251AT6089001	Trang bị điện trên ô tô	2	20	7-12	419-A10	45780				7-12	418-A10	45781												Nguyễn Thành Bắc	CKDL	
45	DH	19	20251AT6088001	Cầu tạo động cơ	1	24													7-12	412-A10	3/5						Nguyễn Thành Bắc	CKDL	
46	DH	19	20251AT6088001	Cầu tạo động cơ	2	23							7-12	416-A10	3/5												Nguyễn Mạnh Dũng	CKDL	
47	DH	19	20251AT6063001	Kỹ thuật động cơ	1	22										7-12	416-A10	4/5									Nguyễn Trung Kiên	CKDL	
48	DH	19	20251AT6063001	Kỹ thuật động cơ	2	22																7-12	416-A10	#####			Nguyễn Trung Kiên	CKDL	
49	DH	19	20251AT6063001	Kỹ thuật động cơ	3	21	1-6	416-A10	3/5	1-6	416-A10	4/5															Nguyễn Mạnh Dũng	CKDL	
50	DH	19	20251ME6031010	SBVL	1	23										1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3								Nguyễn Văn Luật	Khoa KTCs		
51	DH	19	20251ME6031010	SBVL	2	23													1/3								Nguyễn Văn Luật	Khoa KTCs	
52	DH	19	20251ME6031013	SBVL	3	23				1,2,3,4,5,6	108-A9	1/3															Khoa KTCs		
53	DH	19	20251ME6031014	SBVL	3	23				7,8,9,10,11,12	108-A9	1/3															Nguyễn Văn Luật	Khoa KTCs	
54	DH	19	20251ME6031009	SBVL	3	23	7,8,9,10,11,12	108-A9	45719																		Trương Chí Công	Khoa KTCs	
55	DH	19	20251ME6031010	SBVL	3	23								1,2,3,4,5,6	108-A9	45717											Trương Chí Công	Khoa KTCs	

[illegible]

[illegible]